

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 191 /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 19 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2025 và định hướng nhiệm vụ năm 2026 của tỉnh Quảng Ngãi

Kính gửi: Bộ Nội vụ

Thực hiện Công văn số 4625/BNV-CCHC ngày 02/7/2025 của Bộ Nội vụ về việc xây dựng kế hoạch cải cách hành chính và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác cải cách hành chính (CCHC) năm 2025 và định hướng nhiệm vụ CCHC trọng tâm năm 2026 của tỉnh như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC

1. Về chỉ đạo, điều hành CCHC

Tiếp tục thực hiện các quy định, hướng dẫn của Trung ương về CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 và triển khai Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 và đề phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp chính thức đi vào vận hành kể từ ngày 01/7/2025; trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Nội vụ tại Công văn số 4625/BNV-CCHC ngày 02/7/2025, tỉnh Quảng Ngãi đã chủ động rà soát, tổng hợp xây dựng và ban hành mới Kế hoạch CCHC năm 2025 của tỉnh để làm cơ sở triển khai thực hiện trong 06 tháng cuối năm; đồng thời chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng lại Kế hoạch CCHC và thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo quy định¹. Kế hoạch CCHC năm 2025 xác định cụ thể 52 nhiệm vụ phải thực hiện, tiến độ hoàn thành để yêu cầu các sở, ban ngành, địa phương xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện có hiệu quả. Đến nay cơ bản đã hoàn thành 52 nhiệm vụ, đạt 100% kế hoạch đề ra.

2. Về kiểm tra CCHC

Nhằm tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ CCHC, lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo hiệu quả CCHC và tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, ý thức trách nhiệm, thái độ phục vụ Nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nội vụ xây dựng, ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC, văn thư, lưu trữ; công tác thanh niên và bình đẳng giới²; theo đó, trong năm 2025 sẽ tiến hành kiểm tra 05 sở, ban, ngành và 20 xã, phường. Đến nay, đã

¹ Quyết định số 393/QĐ-UBND ngày 14/07/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch CCHC tỉnh năm 2025; Công văn số 186/SNV-CCHCTN&VTLT ngày 15/7/2025 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch CCHC và thực hiện chế độ báo cáo.

² Quyết định số 1209/QĐ-SNV ngày 28/7/2025 của Giám đốc Sở Nội vụ về ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC, văn thư, lưu trữ; công tác thanh niên và bình đẳng giới năm 2025.

hoàn thành công tác kiểm tra. Qua kiểm tra, đã kịp thời phát hiện, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ, nhất là tại cấp xã trong quá trình thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/7/2025.

Ngoài ra, chỉ đạo 100% các sở, ban ngành, địa phương thực hiện tự kiểm tra theo thẩm quyền.

3. Về tuyên truyền CCHC

a) Năm 2025, UBND tỉnh xác định tập trung tuyên truyền về tình hình, kết quả CCHC nổi bật của Trung ương, của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025; các chương trình, kế hoạch, đề án về CCHC; nỗ lực, giải pháp của chính quyền tỉnh về hỗ trợ cho người dân, doanh nghiệp nhằm góp phần nâng cao đời sống xã hội và tiếp tục duy trì, phát huy những kết quả tích cực đạt được trong công tác CCHC của tỉnh; thực hiện lắp đặt giai đoạn 01 các tờ phướn, banner tuyên truyền về công tác CCHC tại 10 xã, phường trên địa bàn tỉnh.

b) Ngoài các kênh truyền thống, UBND tỉnh đã chỉ đạo tuyên truyền bằng nhiều hình thức: Sử dụng mạng xã hội hỗ trợ tuyên truyền; truyền thông qua mạng di động; thiết kế mô hình đồ họa trực tuyến; nâng cao chất lượng chuyên trang “*Đồ họa trực quan - Infographic*” trên Cổng thông tin điện tử tỉnh. Ngoài ra, chỉ đạo Sở Nội vụ hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện công tác tuyên truyền về CCHC năm 2025 trên địa bàn tỉnh. Trong đó, chú trọng đẩy mạnh tuyên truyền về việc sắp xếp tổ chức bộ máy, xây dựng chính quyền địa phương theo mô hình 02 theo chủ trương chung của Trung ương.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC

1. Cải cách thể chế

a) Công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)

- Thực hiện quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các Công văn của Bộ Tư pháp về việc thông báo nội dung giao chính quyền địa phương quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các Luật, Nghị quyết được Quốc hội Khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 8, thứ 9 (*Công văn số 7404/BTP-VĐCXDPL ngày 24/12/2024, Công văn số 4705/BTP-CTXDVBQPPL ngày 04/8/2025*); UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh thống nhất Danh mục văn bản QPPL của HĐND tỉnh được giao quy định chi tiết các Luật, Nghị quyết của Quốc hội Khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 9 (*Công văn số 166/HĐND-PC ngày 31/10/2025*); Chủ tịch UBND tỉnh thống nhất danh mục văn bản của UBND tỉnh quy định chi tiết các Luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 9 (*tại Công văn số 3836/UBND-NC ngày 23/10/2025*); ban hành văn bản thống nhất Danh mục văn bản của UBND tỉnh quy định chi tiết Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn năm 2024, Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ năm 2024 (*Công văn số 662/UBND-NC ngày 10/02/2025; Quyết định số 85/QĐ-UBND ngày 11/02/2025*). Kết quả, HĐND tỉnh Quảng Ngãi trước sáp nhập đã ban hành 03 Nghị quyết QPPL quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành

Luật Đất đai năm 2024, Luật Đường bộ năm 2024; UBND tỉnh Quảng Ngãi trước sáp nhập đã ban hành 06 Quyết định QPPL quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở năm 2023, Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ năm 2024 và Luật Đường bộ năm 2024; UBND tỉnh Kon Tum trước sáp nhập ban hành 03 quyết định QPPL quy định chi tiết Luật Nhà ở năm 2023.

- Công tác thẩm định văn bản QPPL luôn được chú trọng triển khai thực hiện thường xuyên và nâng cao chất lượng thẩm định; tập trung thẩm định về sự cần thiết ban hành, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với chủ trương, đường lối của Đảng; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật của dự thảo văn bản; sự cần thiết, tính hợp lý của thủ tục hành chính. Năm 2025, đã thực hiện thẩm định đối với 262 lượt văn bản QPPL (86 nghị quyết, 174 quyết định, 02 quyết định Chủ tịch UBND tỉnh); thành lập 02 Hội đồng thẩm định để thẩm định 02 dự thảo Quyết định do Sở Tư pháp chủ trì soạn thảo; từ chối thẩm định đối với 15 dự thảo văn bản QPPL đề nghị xây dựng nghị quyết do chưa tuân thủ trình tự, thủ tục ban hành văn bản QPPL. Qua đó, từ ngày 15/12/2024 đến nay, HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành 195 văn bản QPPL (50 nghị quyết, 143 quyết định của UBND tỉnh và 02 quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh).

b) Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật

- Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn 02 tỉnh Quảng Ngãi và Kon Tum năm 2025³ và ban hành văn bản triển khai thực hiện một số nhiệm vụ thuộc lĩnh vực tổ chức thi hành pháp luật khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp⁴.

- Trên cơ sở Kế hoạch của tỉnh, đã chỉ đạo Sở Tư pháp triển khai: Ban hành văn bản gửi Danh mục văn bản QPPL trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2025; ban hành Phương án điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thu hồi đất trên địa bàn tỉnh và báo cáo tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Thực hiện báo cáo kết quả tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi⁵. Hoàn thành kiểm tra công tác tổ chức thi hành pháp luật tại UBND huyện Minh Long và Sơn Tây (cũ).

c) Kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật (PBGDPL)

- UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật⁶, chỉ đạo Sở

³ Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 22/01/2025; Kế hoạch số 337/KH-UBND ngày 24/01/2025; Công văn số 622/UBND-NC ngày 27/02/2025.

⁴ Công văn số 3745/UBND-NC ngày 15/6/2025.

⁵ Công văn số 971/STP-XD&TDTHPL ngày 24/10/2025; Phương án số 980/STP-PA ngày 27/10/2025; Báo cáo số 222/BC-STP ngày 21/11/2025; Báo cáo số 222/BC-STP ngày 21/11/2025 và Báo cáo số 270/BC-STP ngày 08/12/2025.

⁶ Kế hoạch triển khai công tác PBGDPL; hòa giải ở cơ sở; cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2025 trên địa bàn tỉnh (tại Kế hoạch số 244/KH-UBND ngày 20/12/2024 và Kế hoạch số 283/KH-UBND ngày 23/01/2025 của UBND tỉnh

Tư pháp tham mưu tổ chức triển khai bảo đảm các nhiệm vụ của Hội đồng Phối hợp PBGDPL tỉnh⁷; tổ chức 02 hội nghị triển khai các văn bản Luật mới được thông qua với hơn 300 đại biểu tham dự, tổ chức thành công hội nghị hưởng ứng ngày Pháp luật nước CHXHCN Việt Nam năm 2025, 02 cuộc thi trực tuyến (1) Cuộc thi trực tuyến “*Tìm hiểu pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ*” trên địa bàn tỉnh, kết thúc cuộc thi đã thu hút 30.323 lượt tham gia dự thi và (2) Cuộc thi trực tuyến “*Tìm hiểu pháp luật và kỹ năng về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ*” trên địa bàn tỉnh, thu hút 85.233 lượt tham gia dự thi. Tổ chức 20 lớp tập huấn kỹ năng nghiệp vụ về PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Hoàn thành việc xuất bản Bản tin Tư pháp điện tử (03 số), biên soạn và phát hành 02 tập sách hỏi - đáp pháp luật liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp và tập “*Thông tin pháp luật liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp*” giới thiệu, cung cấp những thông tin pháp lý, đáp ứng nhu cầu tìm hiểu pháp luật của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Tổ chức truyền thông hơn 30 chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Chú trọng thực hiện truyền thông, tuyên truyền phổ biến các Luật, Nghị quyết quy phạm pháp luật được Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 8, thứ 9, các văn bản liên quan đến chính quyền địa phương 02 cấp.

- Tham mưu Đảng ủy UBND tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy báo cáo tổng kết 05 năm thực hiện Kết luận số 80-KL/TW ngày 20/6/2020 của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức pháp luật của cán bộ, Nhân dân⁸.

- Tổ chức triển khai thực hiện Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg ngày 04/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, đặc khu đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và văn bản hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tư pháp trên địa bàn tỉnh; triển khai thực hiện Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 15/4/2025 của Thủ

KonTum (cũ)); kế hoạch tổ chức thực hiện Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (tại Kế hoạch 127/KH-UBND ngày 09/6/2025); triển khai việc đánh giá, chấm điểm các cơ quan thành viên Hội đồng theo Bộ Tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác PBGDPL (Báo cáo số 25/BC-UBND ngày 06/02/2025 của UBND tỉnh); Công văn số 2569/UBND-NC ngày 06/5/2025 triển khai thực hiện nhiệm vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở và chuẩn tiếp cận pháp luật khi tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp; ban hành văn bản chỉ đạo báo cáo đánh giá tổng kết triển khai thực hiện Quyết định số 65/QĐ-TTg ngày 12/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện Công ước Chống tra tấn (Công văn số 741/UBND-NC ngày 28/7/2025; Báo cáo số 125/BC-STP ngày 24/9/2025); tham mưu Đảng ủy UBND tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy báo cáo tổng kết 05 năm thực hiện Quyết định số 1521/QĐ-TTg ngày 06/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức triển khai Kết luận số 80-KL/TW ngày 20/6/2020 của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW, ngày 09-12-2003 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức pháp luật của cán bộ, Nhân dân (Tờ trình số 54/TTr-STP ngày 29/8/2025 của Sở Tư pháp; Công văn số 2155/UBND-NC ngày 05/9/2025 của UBND tỉnh; Báo cáo số 02-BC/TU ngày 15/9/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy).

⁷ Ban hành kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng trong năm 2025 (tại Kế hoạch số 01/KH-HĐPBGDPL ngày 24/01/2025 và Kế hoạch số 722/KH-HĐPH ngày 07/3/2025 của Hội đồng Phối hợp PBGDPL tỉnh KonTum (cũ); Kế hoạch tổ chức Hội nghị Hưởng ứng Ngày pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2025 (tại Kế hoạch số 44/KH-HĐPBGDPL ngày 15/10/2025); các văn bản, kế hoạch của Hội đồng về truyền thông, phổ biến các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 8; kỳ họp thứ 9; văn bản (Công văn số 03/HĐPBGDPL ngày 17/7/2025) hướng dẫn các cơ quan, địa phương triển khai nhiệm vụ PBGDPL khi thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp; văn bản (Công văn số 04/HĐPBGDPL ngày 12/5/2025) tổ chức về dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 theo Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 08/5/2025 của UBND tỉnh; văn bản (Công văn số 07/HĐPBGDPL ngày 24/7/2025) đề nghị các cơ quan, địa phương báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Quyết định số 1521/QĐ-TTg ngày 06/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức triển khai Kết luận số 80-KL/TW ngày 20/6/2020 của Ban Bí thư; quyết định ban hành Danh sách thành viên Hội đồng (tại các Quyết định số 03/QĐ-HĐPBGDPL; Quyết định số 04/QĐ-HĐPBGDPL ngày 29/4/2025).

⁸ Báo cáo số 02-BC/TU ngày 15/9/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “*Chuyển đổi số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2025-2030*”⁹.

d) Kết quả kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản QPPL

- Về kiểm tra văn bản QPPL

+ Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh¹⁰; ban hành Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 18/8/2025 ủy quyền Giám đốc Sở Tư pháp ban hành kết luận kiểm tra văn bản trái pháp luật.

+ Chỉ đạo Sở Tư pháp tự kiểm tra 64 văn bản QPPL (trong đó: *Quảng Ngãi (cũ): 23 văn bản; Kon Tum (cũ): 41 văn bản*) của UBND tỉnh và một số văn bản cá biệt có chứa quy phạm của Chủ tịch UBND tỉnh. Từ ngày 15/12/2024 đến ngày 29/6/2025, Sở Tư pháp nhận được 134 văn bản QPPL (trong đó: *Quảng Ngãi (cũ): 46 văn bản; Kon Tum (cũ): 88 văn bản*) do HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố chuyển đến sau khi ban hành; đồng thời, thành lập 02 Đoàn kiểm tra văn bản QPPL tại HĐND, UBND thành phố Quảng Ngãi ban hành từ năm 2021 - 2023 và tại HĐND, UBND huyện Minh Long và Sơn Tây ban hành từ năm 2022 - 2024¹¹. Từ ngày 01/7/2025 đến nay, Sở Tư pháp đã thực hiện kiểm tra 185 văn bản (06 nghị quyết; 179 quyết định) được ban hành dưới hình thức văn bản QPPL của các xã, phường, đặc khu gửi đến sau khi ban hành, qua kiểm đã kiến nghị xử lý 01 quyết định¹². Bên cạnh đó, đã phối hợp với các đơn vị¹³ thực hiện tự kiểm tra văn bản và gửi danh mục văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Ngoại giao, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Xây dựng, Bộ Dân tộc và Tôn giáo; Bộ Tài chính; Bộ Công Thương.

+ Trong năm 2025, tỉnh Quảng Ngãi đã thực hiện Kết luận số 06/KL-KTVB&QLXLVPHC ngày 05/9/2025 của Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi (mới) đã kịp thời ban hành Công văn số 3208/UBND-NNMT ngày 06/10/2025 chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường (cơ quan được phân công chủ trì soạn thảo) khẩn trương phối hợp các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh xử lý nội dung trái pháp luật của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 27/2023/QĐ-UBND ngày 29/6/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi quy định về phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công kênh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Hiện nay, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 01/12/2025 bãi bỏ điểm c khoản 1 Điều 6 Quy định về phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công kênh trên địa

⁹ Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 08/10/2025; Kế hoạch số 137/KH-UBND ngày 18/6/2025.

¹⁰ Tại Quảng Ngãi (cũ) ban hành Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 23/01/2025; Tại Kon Tum (cũ) ban hành Kế hoạch số 4772/KH-UBND ngày 31/12/2024.

¹¹ Quyết định số 127/QĐ-STP ngày 04/11/2024; Quyết định số 34/QĐ-STP ngày 29/3/2025; Quyết định số 54/QĐ-STP ngày 29/4/2025.

¹² Kết luận số 01/KL-STP ngày 18/11/2025 của Giám đốc Sở Tư pháp kết luận kiểm tra đối với Quyết định số 06/2025/QĐ-UBND ngày 19/7/2025 của UBND xã Tu Mơ Rông về việc ban hành tiêu chí xét chọn thi đua, khen thưởng của UBND xã Tu Mơ Rông.

¹³ Sở Ngoại vụ, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Xây dựng, Sở Dân tộc và Tôn giáo; Sở Tài chính; Sở Công Thương.

bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 27/2023/QĐ-UBND ngày 29/6/2023 của UBND tỉnh (*xử lý 100% kiến nghị của cơ quan cấp trên*).

- *Rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL*

+ Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định công bố Danh mục văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh hết hiệu lực toàn bộ, hết hiệu lực một phần trong năm 2024¹⁴; kế hoạch kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL năm 2025 trên địa bàn tỉnh¹⁵; báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL năm 2024 trên địa bàn tỉnh¹⁶. Văn bản chỉ đạo rà soát, xử lý các văn bản QPPL liên quan đến việc sắp xếp, tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp¹⁷; đồng thời, chỉ đạo Sở Tư pháp ban hành văn bản đề nghị rà soát, xử lý văn bản liên quan đến việc sắp xếp, tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, đơn đốc cấp huyện thực hiện rà soát, thống kê, gửi Danh mục văn bản QPPL còn hiệu lực của HĐND, UBND cấp huyện¹⁸ và thực hiện báo cáo kết quả rà soát, xử lý các văn bản QPPL liên quan đến việc sắp xếp, tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp¹⁹.

- Từ ngày 01/7/2025, tỉnh Quảng Ngãi (*mới*) chú trọng triển khai việc rà soát văn bản QPPL liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, xây dựng chính quyền địa phương 02 cấp, ban hành văn bản chỉ đạo thực hiện rà soát và đề xuất hướng xử lý văn bản do HĐND, UBND tỉnh Quảng Ngãi (*cũ*) và tỉnh Kon Tum (*cũ*) ban hành để đề xuất áp dụng; văn bản chỉ đạo thực hiện rà soát và đề xuất hướng xử lý các Nghị quyết của HĐND tỉnh Quảng Ngãi (*cũ*) và HĐND tỉnh Kon Tum (*cũ*), văn bản chỉ đạo về việc rà soát, tham mưu các quyết định áp dụng Nghị quyết quy phạm pháp luật, bãi bỏ các nghị quyết của HĐND tỉnh, quyết định của UBND tỉnh Quảng Ngãi (*cũ*), Kon Tum (*cũ*); văn bản chỉ đạo về việc khẩn trương tham mưu xử lý các văn bản QPPL của HĐND tỉnh, UBND tỉnh Quảng Ngãi (*cũ*) và HĐND tỉnh, UBND tỉnh Kon Tum (*cũ*) đã ban hành²⁰.

Ngoài ra, trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết, UBND tỉnh ban hành Quyết định để quyết định việc áp dụng các văn bản QPPL và báo cáo kết quả rà soát bổ sung các văn bản QPPL của HĐND tỉnh, UBND tỉnh Quảng Ngãi (*cũ*) và Kon Tum (*cũ*) ban hành; ban hành Nghị quyết bãi bỏ các nghị quyết của HĐND tỉnh Quảng Ngãi (*cũ*) và HĐND tỉnh Kon Tum (*cũ*); ban hành Quyết định bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh ban hành; thành lập Tổ công tác của tỉnh về xây dựng, ban hành các văn bản QPPL để xử lý văn bản do HĐND, UBND tỉnh Quảng Ngãi (*cũ*) và tỉnh Kon Tum (*cũ*) ban hành; ban hành Kế hoạch

¹⁴ Tỉnh Quảng Ngãi (*cũ*) ban hành Quyết định số 131/QĐ-UBND ngày 22/01/2025; tỉnh Kon Tum (*cũ*) ban hành Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 23/01/2025.

¹⁵ Tỉnh Quảng Ngãi (*cũ*) ban hành Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 23/01/2025; tỉnh Kon Tum (*cũ*) ban hành Kế hoạch số 4772/KH-UBND ngày 31/12/2024

¹⁶ Tại Quảng Ngãi (*cũ*): Báo cáo số 34/BC-UBND ngày 14/02/2025; tại Kon Tum (*cũ*): Báo cáo số 52/BC-UBND ngày 20/02/2025

¹⁷ Công văn số 2633/UBND-NC ngày 08/5/2025.

¹⁸ Tỉnh Quảng Ngãi (*cũ*) ban hành Công văn số 827/STP-XDKT&TDTHPL ngày 21/5/2025; Công văn số 835/STP-XDKT&TDTHPL ngày 22/5/2025 và tỉnh Kon Tum (*cũ*) ban hành Công văn số 996/STP-XDKTr&PBPL ngày 28/5/2025

¹⁹ Tỉnh Quảng Ngãi (*cũ*): Báo cáo số 124/BC-STP ngày 19/5/2025; Báo cáo số 136/BC-STP ngày 28/5/2025 và tỉnh Kon Tum (*cũ*) Báo cáo số 133/BC-UBND ngày 07/5/2025

²⁰ Công văn số 880/UBND-NC ngày 31/7/2025, Công văn số 1908/UBND-NC ngày 27/8/2025, Công văn số 3388/UBND-NC ngày 10/10/2025, (*tại Công văn số 4147/UBND-NC ngày 31/10/2025*).

xử lý các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh, UBND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) và HĐND tỉnh, UBND tỉnh Kon Tum (cũ) ban hành²¹.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

a) Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC

- UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 81/KH-UBND ngày 14/4/2025 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026. Kết quả đã thực hiện rà soát, bãi bỏ 01 TTHC có điều kiện kinh doanh không thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo Luật Đầu tư; 03 TTHC còn lại liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh đã có phương án rà soát; hiện nay, các sở đang tham mưu, trình cơ quan có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung (tỉnh Quảng Ngãi đã chỉ đạo thực hiện tại Công văn số 2613/UBND-TTHC ngày 07/5/2025, Công văn số 1498/UBND-TTHC ngày 18/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh). Thực hiện báo cáo kết quả tổng hợp, thống kê danh mục TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của tỉnh Quảng Ngãi tại Báo cáo số 103/BC-UBND ngày 29/4/2025.

- Ban hành văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện Công điện số 201/CD-TTg ngày 22/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ²²; trong đó, yêu cầu các sở, ban ngành khẩn trương thực hiện việc rà soát đối với 734 TTHC có chứa một trong 15 loại giấy tờ đã có thông tin trên các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và có Báo cáo kết quả về rà soát, cắt giảm, đơn giản hoá TTHC có thành phần hồ sơ thay thế bằng dữ liệu gửi Bộ Tư pháp.

b) Tổng hợp, cập nhật số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết

Tính đến thời điểm hiện tại, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành khoảng 240 quyết định công bố Danh mục TTHC và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền. Đồng thời, ban hành 16 Quyết định công bố Danh mục TTHC nội bộ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của các sở, ban ngành và đồn đốc, nhắc nhở các sở, ban ngành tổ chức thực hiện²³.

c) Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC

c1) Tổ chức, hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công

- Cấp tỉnh: Thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, thuộc Văn phòng UBND tỉnh đã được UBND tỉnh kiện toàn tại Quyết định số 476/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 (bên cạnh địa điểm làm việc chính tại số 54 đường Hùng Vương, phường Cẩm Thành, còn bố trí địa điểm làm việc thứ 2 tại số 492 đường Trần Phú, phường Kon Tum

²¹ Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 24/10/2025, Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 29/9/2025, Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 24/10/2025, Quyết định số 244/QĐ-UBND ngày 02/12/2025, Quyết định số 1810/QĐ-UBND ngày 11/12/2025.

²² Công văn số 3952/UBND-TTHC ngày 27/10/2025; Báo cáo số 172/BC-STP ngày 31/10/2025 của Sở Tư pháp.

²³ Công văn số 2610/UBND-TTHC ngày 18/9/2025.

để phục vụ người dân, doanh nghiệp thực hiện TTHC); chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm được quy định tại Quyết định số 477/QĐ-UBND ngày 27/6/2025; Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm được ban hành kèm theo Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 18/7/2025; phê duyệt danh sách nhân sự được cử đến làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tại Quyết định số 462/QĐ-UBND ngày 21/7/2025, Quyết định số 916/QĐ-UBND ngày 27/8/2025. Đồng thời, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 02/11/2025 về việc tổ chức lại cơ cấu tổ chức của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ngãi thuộc Văn phòng UBND tỉnh.

- Cấp xã: UBND tỉnh chỉ đạo UBND cấp xã thành lập, tổ chức hoạt động của 96 Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã theo quy định và chỉ đạo Văn phòng UBND tỉnh hướng dẫn, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình các Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoạt động, góp phần ổn định tổ chức, hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh khi thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

c2) Kết quả thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC

- Công tác triển khai số hóa trên địa bàn tỉnh nhìn chung giữ được ổn định, việc khai thác, tái sử dụng từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư tăng mạnh, đem lại nhiều hiệu quả, cụ thể:

+ Cấp tỉnh: Hồ sơ có đính kèm tệp tin thành phần hồ sơ khi tiếp nhận của các sở, ban ngành trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC đạt 99,75%; hồ sơ có đính kèm tệp tin kết quả giải quyết TTHC điện tử đạt 96,35%; hồ sơ được khai thác, tái sử dụng từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được các cơ quan, đơn vị quan tâm, đẩy mạnh thực hiện.

+ Cấp xã: Hồ sơ có đính kèm tệp tin thành phần hồ sơ khi tiếp nhận của các sở, ban ngành trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC đạt 99,80%; hồ sơ có đính kèm tệp tin kết quả giải quyết TTHC điện tử đạt 98,70%; hồ sơ được khai thác, tái sử dụng từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được các địa phương quan tâm, đẩy mạnh thực hiện.

c3) Tổng hợp, cập nhật kết quả giải quyết hồ sơ TTHC (từ ngày 01/01/2025 đến ngày 08/12/2025)

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: Tổng số hồ sơ tiếp nhận mới của các sở, ban, ngành và các Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh đặt tại Trung tâm là 86.359 hồ sơ, đã giải quyết 79.504 hồ sơ, trong đó trả kết quả trước hạn và đúng hạn khoảng 77.134 hồ sơ, trễ hạn 2.370 hồ sơ; đang giải quyết khoảng 5.510 hồ sơ, trong đó:

+ Các sở, ngành tiếp nhận mới 43.744 hồ sơ, đã giải quyết 41.795 hồ sơ, trong đó trả kết quả trước hạn và đúng hạn 40.026 hồ sơ, chiếm tỷ lệ 95,8%, hồ sơ trễ hạn 1.769 hồ sơ; đang giải quyết 2.691 hồ sơ.

+ Hồ sơ lĩnh vực đất đai của hộ gia đình, cá nhân đưa vào thực hiện tại Trung tâm do do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh - Chi nhánh thành phố thực hiện từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025: Tiếp nhận mới là 16.578 hồ sơ; kết

quả đã giải quyết 17.687 hồ sơ, trong đó hồ sơ trả kết quả trước hạn và đúng hạn 17.392 hồ sơ, chiếm tỷ lệ 98,3%, trễ hạn 295 hồ sơ; đang giải quyết 315 hồ sơ.

+ Hồ sơ lĩnh vực đất đai của hộ gia đình, cá nhân đưa vào thực hiện tại 02 địa điểm của Trung tâm do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất tỉnh - Khu vực III và Khu vực VIII thực hiện từ ngày 01/7/2025 đến ngày 08/12/2025: Tiếp nhận mới là 21.657 hồ sơ; kết quả đã giải quyết khoảng 20.022 hồ sơ, trong đó hồ sơ trả kết quả trước hạn và đúng hạn 19.716 hồ sơ, chiếm tỷ lệ 98,5%, trễ hạn 306 hồ sơ; đang giải quyết 2.504 hồ sơ.

- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã:

+ Trước thời điểm ngày 01/7/2025: Tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết tại 96 Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã: Tiếp nhận mới là 127.179 hồ sơ, đã giải quyết 127.109 hồ sơ, trong đó hồ sơ trước hạn, đúng hạn 125.746 hồ sơ, chiếm tỷ lệ 98,92%, trễ hạn 1.363 hồ sơ; đang giải quyết 323 hồ sơ.

+ Sau thời điểm thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp từ ngày 01/7/2025 đến ngày 08/12/2025: Tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết tại 96 Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã: Tiếp nhận mới là 245.174 hồ sơ, đã giải quyết 234.263 hồ sơ, trong đó hồ sơ trước hạn, đúng hạn 231.768 hồ sơ, chiếm tỷ lệ 98,93%, trễ hạn 2.495 hồ sơ; đang giải quyết 8.581 hồ sơ.

- Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến, dịch vụ bưu chính công ích:

+ Tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận trực tuyến của các sở, ban, ngành tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp tục tăng cao, đạt bình quân 95,3%. Tỷ lệ hồ sơ có phát sinh thanh toán trực tuyến đạt 90%. Tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận trực tuyến của UBND cấp xã sau thời điểm thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp đạt bình quân 74,9%. Tỷ lệ hồ sơ có phát sinh thanh toán trực tuyến đạt 92%.

+ Có khoảng 30.000 hồ sơ được trả kết quả qua đường bưu chính theo yêu cầu của tổ chức, công dân tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Hình thức này giúp tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại cho người dân, doanh nghiệp; đồng thời góp phần thúc đẩy CCHC và nâng cao chất lượng phục vụ.

c4) Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC: Đã tiếp nhận 1.110 phản ánh kiến nghị về TTHC trực tiếp, qua đơn thư, phản ánh trực tiếp tại Trung tâm và trên Hệ thống phản ánh, kiến nghị thuộc Công Dịch vụ công Quốc gia. Các phản ánh của công dân đều đã được giải quyết nhanh và chuyển tới cơ quan, người có thẩm quyền để xử lý kịp thời, nhanh chóng.

c5) Kết quả thực hiện việc đánh giá chất lượng giải quyết TTHC: Chất lượng, thái độ phục vụ của công chức, viên chức, nhân viên tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp tục nâng cao, có khoảng 42.527 lượt đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân về quá trình giải quyết TTHC, trong đó đánh giá mức độ rất hài lòng và hài lòng chiếm tỷ lệ 100%.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

a) Về rà soát, hoàn thiện các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL)

- Đối với tổ chức bộ máy hành chính: Kịp thời ban hành chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các Chi cục thuộc các sở, ngành²⁴. Các xã, phường, đặc khu, tính đến nay cơ bản đã ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của 03 Phòng chuyên môn và Trung tâm Phục vụ hành chính công trực thuộc UBND cấp xã.

- Đối với ĐVSNCL:

+ Đối với ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh: UBND tỉnh đã ban hành: (1) Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức đối với 02 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh²⁵; (3) Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của 07 Ban Quản lý dự án khu vực trực thuộc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh; (5) Quyết định việc thành lập Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh khu vực Kon Tum trực thuộc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh.

+ Đối với ĐVSNCL thuộc các sở, ngành: (1) UBND tỉnh đã ban hành quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của 40 ĐVSNCL trực thuộc Sở Y tế; (3) Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của 05 đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tư Pháp²⁶; (4) Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của 03 ĐVSNCL thuộc Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi; (5) Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của 05 ĐVSNCL trực thuộc Sở Văn hóa thể thao và Du lịch; (6) Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của 17 ĐVSNCL thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường²⁷; 03 ĐVSNCL của Sở Khoa học và Công nghệ²⁸; 06 ĐVSNCL thuộc Sở Xây dựng²⁹.

+ Đối với ĐVSNCL cấp xã: UBND các xã, phường, đặc khu đã ban hành quyết định quy định nhiệm vụ, quyền hạn của ĐVSNCL thuộc UBND cấp xã theo quy định.

²⁴ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của 07 Chi cục thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Chi cục Chăn nuôi và Thú y; Chi cục Phát triển nông thôn; Chi cục Thủy sản - Biển đảo; Chi cục Kiểm lâm; Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Quản lý chất lượng; Chi cục Bảo vệ môi trường, Chi cục Thủy lợi Quảng Ngãi; 01 Chi cục thuộc Sở Công Thương: Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Quảng Ngãi; 01 Chi cục thuộc Sở Y tế: Chi cục An toàn thực phẩm.

²⁵ Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi; Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Quảng Ngãi.

²⁶ Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh số 1 và Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh số 2; Phòng Công chứng số 01, Phòng Công chứng số 02, Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản.

²⁷ 08 Ban Quản lý rừng phòng hộ; 09 Trung tâm, cụ thể: Trung tâm Giống, Trung tâm Khuyến nông; Trung tâm Trắc địa quan trắc môi trường; Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn; Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh; Ban Quản lý các cảng cá; Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ngãi và Chi cục Thủy lợi tỉnh Quảng Ngãi; Trung tâm Khuyến nông tỉnh Quảng Ngãi

²⁸ Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Quảng Ngãi; Trung tâm Ứng dụng Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi; Trung tâm Chuyển đổi số và Đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi.

²⁹ Trung tâm Quy hoạch và Kiểm định chất lượng công trình xây dựng Quảng Ngãi; Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới 82-01S; Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng; Ban Quản lý cảng tỉnh Quảng Ngãi; Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe tỉnh Quảng Ngãi; Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới 76-01S.

b) Kết quả rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập

- Đối với cơ quan chuyên môn: Tại thời điểm triển khai việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, để bộ máy vận hành đồng bộ, hiệu quả, UBND tỉnh đã thực hiện: (1) trình HĐND tỉnh Quảng Ngãi (mới) khóa XIII tại Kỳ họp thứ nhất ban hành Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 01/7/2025 về việc thành lập 14 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; (2) trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc thành lập Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất. Tính đến nay, có 107 tổ chức thuộc sở, ngành (gồm phòng chuyên môn, chi cục và tổ chức tương đương).

- Đối với ĐVSNCL thuộc tỉnh: (1) UBND tỉnh ban hành quyết định chuyển đổi tên các ĐVSNCL và các công ty do nhà nước chủ sở hữu sau sắp xếp bộ máy chính quyền 02 cấp³⁰; (2) Quyết định việc thay đổi tên gọi của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc ĐVSNCL của tỉnh đối với 03 đơn vị³¹; (3) Phê duyệt đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo và điều chỉnh danh sách phê duyệt ĐVSNCL trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ngãi và các cơ sở giáo dục ngoài công lập; (4) Quyết định việc thành lập Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh khu vực Kon Tum trực thuộc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh; (5) phê duyệt Đề án xây dựng, phát triển Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh Trường Đại học Phạm Văn Đồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045... Tính đến nay có 10 đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh.

- Đối với ĐVSNCL thuộc sở: Có 167 ĐVSNCL thuộc các sở ngành; 13 ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh.

- Đối với ĐVSNCL thuộc xã: Hiện có 922 ĐVSNCL thuộc cấp xã.

c) Về tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức

Thực hiện việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025 và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; trên cơ sở quyết định giao biên chế của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Nghị quyết của HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 giao số lượng người làm việc trong các ĐVSNCL của tỉnh Quảng Ngãi năm 2025 và Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 giao biên chế công chức năm 2025 cho các cơ quan, tổ chức thuộc chính quyền địa phương cấp tỉnh; chính quyền địa phương cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi để làm cơ sở bố trí, kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện nhiệm vụ được giao sau sắp xếp. Trong năm 2026, căn cứ hướng dẫn của cấp có thẩm quyền về tiêu chí xác định biên chế và khung biên chế của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong hệ thống chính trị, sẽ chỉ đạo Sở Nội vụ phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu và

³⁰ Đổi tên Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Kon Tum thành Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Quảng Ngãi; Chuyển và đổi tên 02 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế (Bệnh viện đa khoa tỉnh Kon Tum và Bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Hồi); Chuyển và đổi tên 04 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh Kon Tum (02 Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng, 01 Ban Quản lý vườn quốc gia, 01 trường Cao đẳng); Chuyển và đổi tên 09 doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc UBND tỉnh Kon Tum; Chuyển và đổi tên 02 Quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước thuộc UBND tỉnh Kon Tum...

³¹ Trung tâm Bảo tồn đa dạng sinh học và Du lịch sinh thái trực thuộc Ban Quản lý Vườn quốc gia Chư Mom Ray tỉnh Kon Tum (cũ) về trực thuộc Ban quản lý Vườn quốc gia Chư Mom Ray, tỉnh Quảng Ngãi; đổi tên Ban Quản lý cảng và Cảng vụ đường thủy nội địa thành: Ban Quản lý cảng tỉnh Quảng Ngãi.

soát, giao biên chế cho từng cơ quan, đơn vị bảo đảm thực hiện mục tiêu tinh giản biên chế theo quy định.

d) Kết quả thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền

Việc thực hiện các quy định về phân cấp, phân quyền và phân định thẩm quyền được các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện nghiêm túc; tăng tính chủ động, trách nhiệm của các đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ được phân cấp, ủy quyền; đồng thời tạo hành lang pháp lý, kịp thời xử lý, tháo gỡ “điểm nghẽn” về thể chế, mang lại hiệu quả tích cực trong việc phục vụ cho tổ chức, người dân, doanh nghiệp và góp phần xây dựng nền hành chính phục vụ, chuyên nghiệp, hiện đại khi vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

4. Cải cách chế độ công vụ

a) Kết quả xây dựng, ban hành các quy định về vị trí việc làm của công chức, viên chức

Hiện nay, sau khi chính quyền địa phương 02 cấp đi vào hoạt động, các cơ quan đã chủ động bố trí sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với trình độ năng lực. Các sở, ngành và UBND cấp xã đang tiến hành rà soát chức năng, nhiệm vụ, khối lượng công việc, để xác định, bố trí số lượng, cơ cấu ngạch công chức/viên chức và vị trí việc làm theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Riêng việc phê duyệt vị trí việc làm của các đơn vị chưa thực hiện được vì đang chờ hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương.

b) Kết quả thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức (thi tuyển, xét tuyển)

Trong năm 2025, tỉnh chưa thực hiện công tác tuyển dụng công chức, viên chức. Tiếp nhận vào làm công chức 01 trường hợp.

c) Kết quả thực hiện bổ nhiệm, đề bạt công chức, viên chức

- Chủ tịch UBND tỉnh quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại 11 trường hợp³²; điều động bổ nhiệm, tiếp nhận 14 trường hợp³³; giao phụ trách, điều hành công

³² (1) Bổ nhiệm thanh tra viên Sở Tài chính làm Kiểm soát viên không chuyên trách tại Cty QISC; (2) bổ nhiệm lại chức vụ Trưởng Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh; (3) Bổ nhiệm lại chức vụ Phó Giám đốc Bệnh viện Tâm thần tỉnh Quảng Ngãi; (4) Phó Giám đốc Sở Tư pháp; (5) Chỉ cục trưởng Chỉ cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Môi trường; (6) Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum; (7) Giám đốc Quỹ Đầu tư và Phát triển tỉnh; (8) Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; (9) Bổ nhiệm lại chức vụ Phó Giám đốc Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Hồi trực thuộc Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi; (10) Bổ nhiệm lại chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum trong; (11) Bổ nhiệm Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình Thủy Lợi Quảng Ngãi giữ chức vụ Chủ tịch Công ty.

³³ (1) Điều động Giám đốc Sở Ngoại vụ đến nhận công tác tại Văn phòng UBND tỉnh và bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh; (2) Điều động Phó Chánh văn phòng UBND tỉnh đến nhận công tác tại Sở Tư pháp và bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Tư pháp; (3) Tiếp nhận Phó Bí thư Đảng ủy Khối cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh đến nhận công tác tại Ban Dân tộc - Tôn giáo tỉnh và bổ nhiệm giữ chức vụ Phó trưởng ban Ban Dân tộc - Tôn giáo tỉnh; (4) Điều động Giám đốc Sở Tư pháp đến nhận công tác tại Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh; (5) điều động Trưởng Ban Tôn giáo thuộc Sở Nội vụ đến nhận công tác tại Ban Dân tộc - Tôn giáo tỉnh; (6) Tiếp nhận Bí thư Tỉnh Đoàn về nhận công tác tại Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Quảng Ngãi kể từ ngày 01/6/2025; (7) Điều động Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh đến nhận công tác tại Sở Tài chính và bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Tài chính; (8) Điều động Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Sơn Tịnh về nhận công tác tại Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh và bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh; (9) Điều động Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Trà Bồng về nhận công tác tại Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh và bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh; (10) điều động Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Quảng Ngãi đến nhận công tác tại Sở Tư pháp và bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Tư pháp; (11) Điều động Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Sơn Hà đến nhận công tác tại

việc, giao quyền; cho thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm đối với 03 trường hợp³⁴.

- Thực hiện các chủ trương về sắp xếp tổ chức bộ máy, các Nghị quyết của HĐND tỉnh về sắp xếp các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh (*thời điểm trước ngày 01/3/2025*), Chủ tịch UBND tỉnh tiếp nhận, điều động, bổ nhiệm đối với 32 trường hợp, thay đổi chức vụ đối với 03 trường hợp thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý và bổ nhiệm 07 trường hợp thuộc diện Ban Thường vụ Đảng uỷ UBND tỉnh quản lý.

- Thực hiện sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh: Quyết định bổ nhiệm chức vụ người đứng đầu của 15 sở, ban, ngành; Quyết định bổ nhiệm chức vụ cấp phó người đứng đầu sở, ban, ngành đối với 76 trường hợp và kéo dài thời gian giữ chức vụ cấp phó đối với 02 trường hợp; Quyết định cho thôi giữ chức vụ để giải quyết chính sách nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP đối với 06 Giám đốc, Phó Giám đốc Sở; Quyết định bổ nhiệm cấp trưởng, cấp phó của 05 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh Quảng Ngãi đối với 14 trường hợp (*tiếp nhận, đổi tên từ các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh Kon Tum cũ*); Quyết định bổ nhiệm, cho ý kiến bổ nhiệm đối với 43 chức danh Chủ tịch, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kiểm soát viên Công ty đối với 09 doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc UBND tỉnh Kon Tum chuyển, đổi tên.

d) Kết quả thực hiện thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo tại các cơ quan, đơn vị

Thực hiện xét nâng ngạch lên Chuyên viên cao cấp đối với 13 người³⁵ là Giám đốc Sở và tương đương trở lên thuộc tỉnh Kon Tum (*cũ*); xét nâng ngạch lên Chuyên viên chính đối với 06 người³⁶ là Phó Giám đốc Sở và tương đương thuộc tỉnh Kon Tum (*cũ*); xét nâng ngạch công chức khi có thành tích trong hoạt động công vụ năm 2025 tỉnh Kon Tum (*cũ*) đối với 30 trường hợp³⁷. Xếp ngạch chuyên viên cao cấp đối với 08 người³⁸ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản

Thanh tra tỉnh và bổ nhiệm giữa chức vụ Phó Chánh thanh tra tỉnh; (12) Tiếp nhận Trường ban Nội chính Tỉnh uỷ Quảng Ngãi về nhận công tác tại Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi, bổ nhiệm giữ Trường ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi; (13) Điều động Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo về Ban Tổ chức Tỉnh uỷ kể từ ngày 01/7/2025 để nhận nhiệm vụ theo Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ; (14) Điều động Phó Giám đốc Trung tâm y tế Sơn Tịnh đến nhận công tác tại Bệnh viện Lao và Bệnh phổi tỉnh và bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Bệnh viện Lao và Bệnh phổi tỉnh.

³⁴ (1) Cho thôi giữ chức vụ Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ đối với ông Nguyễn Văn Thành kể từ ngày 15/01/2025; (2) ông Nguyễn Văn Mười thôi giữ chức vụ Chi cục trưởng Chi cục Thủy sản, thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn từ ngày 01/3/2025 (*do sắp xếp tổ chức bộ máy*); (3) Miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch Công ty TNHH MTV Đầu tư, xây dựng và Kinh doanh dịch vụ Quảng Ngãi đối với ông Nguyễn Xuân Vinh kể từ ngày 01/12/2025.

³⁵ (1) Trưởng Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; (2) Trưởng Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; (3) Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; (4) Chánh Văn phòng UBND tỉnh; (5) Giám đốc Sở Nội vụ; (6) Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; (7) Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo; (8) Giám đốc Sở Y tế; (9) Giám đốc Sở Công thương; (10) Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; (11) Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; (12) Giám đốc Sở Ngoại vụ; (13) Chánh Thanh tra tỉnh.

³⁶ (1) Phó Trưởng Ban Dân tộc, Hội đồng nhân dân tỉnh; (2) Phó Giám đốc Sở Tư pháp; (3) Phó Giám đốc Sở Xây dựng; (4) Phó Giám đốc Sở Ngoại vụ; (5) Phó Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo; (6) Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

³⁷ Các quyết định phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum (*cũ*): Quyết định số 317/QĐ-UBND ngày 25/4/2025; Quyết định số 388/QĐ-UBND ngày 09/5/2025 và Quyết định số 444/QĐ-UBND ngày 22/5/2025.

³⁸ (1) Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; (2) Giám đốc Sở Tư pháp; (3) Giám đốc Sở Tài chính; (4) Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; (5) Trưởng Ban Pháp chế, Hội đồng nhân dân tỉnh; (6) Trưởng Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân tỉnh; (7) Giám đốc Sở Công thương; (8) Phó Chủ tịch UBND tỉnh.

lý và xếp ngạch Chuyên viên chính đối với 20 người³⁹ được chỉ định giữ chức vụ Chủ tịch UBND cấp xã.

đ) Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức

- Trong thời gian qua, thực hiện chỉ đạo của Trung ương, hòa chung với tinh thần của cả nước trong việc sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/7/2025, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã có nhiều chỉ đạo nhằm tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nhất là trong việc giải quyết những công việc, thủ tục hành chính cho tổ chức, công dân⁴⁰. Trong đó, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã ban hành Công văn số 178-CV/TU ngày 22/8/2025 về chấn chỉnh việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính, đi công tác và sử dụng xe công vụ để chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện nghiêm túc giờ giấc làm việc; thời gian đi công tác và bố trí, sử dụng xe công vụ đúng quy định.

- Qua theo dõi cho thấy tình hình thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã đã có những chuyển biến tích cực, có ý thức rõ hơn trách nhiệm phục vụ nhân dân; tình trạng đi muộn, về sớm, sử dụng thời gian hành chính cho việc riêng từng bước được khắc phục. Đặc biệt, tinh thần “*làm hết việc chứ không hết giờ*” ngày càng lan tỏa, góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC và củng cố niềm tin của người dân.

e) Kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

UBND tỉnh ban hành Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 10/01/2025 về việc phê duyệt Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 10/01/2025 về việc Phê duyệt Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã tỉnh Quảng Ngãi năm 2025; chỉ đạo Sở Nội vụ phối hợp với các cơ sở đào tạo tổ chức 38 lớp bồi dưỡng cho 2.095 học viên theo Kế hoạch; quyết định cấp học bổng chính sách năm học 2024 - 2025 (đợt 2) cho học sinh theo chế độ cử tuyển.

g) Tình hình ban hành và kết quả thực hiện các cơ chế, chính sách thu hút người có tài năng vào làm việc tại các cơ quan nhà nước

UBND tỉnh xây dựng, tham mưu trình HĐND tỉnh ban hành 02 Nghị

³⁹ (1) Chủ tịch UBND phường Trương Quang Trọng; (2) Chủ tịch UBND xã Nguyễn Nghiêm; (3) Chủ tịch UBND xã Ba Đình; (4) Chủ tịch UBND xã Ba Đông; (5) Chủ tịch UBND xã Sơn Thủy; (6) Chủ tịch UBND xã Trà Bồng; (7) Chủ tịch UBND xã Ia Chìm; (8) Chủ tịch UBND xã Đắk Pék; (9) Chủ tịch UBND xã Đắk Plô; (10) Chủ tịch UBND xã Đắk Long; (11) Chủ tịch UBND xã Sa Loong; (12) Chủ tịch UBND xã Đắk Mar; (13) Chủ tịch UBND xã Kon Brait; (14) Chủ tịch UBND xã Đắk Kôi; (15) Chủ tịch UBND xã Sa Bình; (16) Chủ tịch UBND xã Rờ Koi; (17) Chủ tịch UBND xã Đắk Sao; (18) Chủ tịch UBND xã Tu Mơ Rông; (19) Chủ tịch UBND xã Phước Giang; (20) Chủ tịch UBND xã Đinh Cương.

⁴⁰ Thực hiện ý kiến Chỉ đạo của Phó Thủ tướng Thường trực Chính Phủ Trương Hòa Bình tại Công văn số 4949/VPCP-V.I ngày 05/6/2025 về việc kết quả thanh tra chuyên đề trách nhiệm thực hiện Công vụ, UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 299/UBND-NC ngày 14/7/2025 về việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thực thi công vụ trên địa bàn tỉnh.

quyết⁴¹ có liên quan về cơ chế, chính sách thu hút người có tài năng vào làm việc tại các cơ quan nhà nước.

5. Cải cách tài chính công

a) Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính - ngân sách:

- UBND tỉnh đã chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính - ngân sách địa phương năm 2025 đảm bảo theo quy định: Ban hành Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 21/01/2025 Quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách địa phương năm 2025; Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 22/01/2025 về việc tăng cường các biện pháp thu ngân sách nhà nước năm 2025 và chi ngân sách địa phương; Công văn số 956/UBND-KTTH ngày 03/8/2025 về việc triển khai Công điện số 05/CĐ-BTC ngày 25/7/2025 của Bộ Tài chính.

- Xây dựng dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2026 và Kế hoạch tài chính ngân sách 03 năm 2026-2028: Báo cáo số 28/BC-UBND ngày 08/8/2025 báo cáo tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2025; xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2026-2028. Xây dựng, trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 về kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2026 - 2030.

a1) Về tiến độ, kết quả thực hiện thu ngân sách nhà nước theo Kế hoạch được giao

- Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2025 ước đạt 35.236 tỷ đồng, bằng 100% dự toán Trung ương giao, bằng 94,80% dự toán HĐND tỉnh giao và bằng 104,20% so với thực hiện năm 2024. Trong đó, thu nội địa cả năm ước đạt 22.246 tỷ đồng, bằng 99,70% dự toán Trung ương giao, bằng 91,80% dự toán HĐND tỉnh giao; bằng 103,90% so với thực hiện năm 2024. Thu hoạt động xuất nhập khẩu cả năm ước đạt 12.960 tỷ đồng, bằng 100,30% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao, bằng 105,70% so với thực hiện năm 2024. Trong đó, thu từ cửa khẩu cảng Dung Quất dự kiến 12.540 tỷ đồng, thu từ các khu công nghiệp Quảng Ngãi 100 tỷ đồng và thu từ cửa khẩu quốc tế Bờ Y 320 tỷ đồng.

- Tổng chi ngân sách địa phương năm 2025 ước đạt 27.569 tỷ đồng, bằng 95,60% dự toán Trung ương giao, bằng 89,50% dự toán HĐND tỉnh giao và bằng 101,10% so với thực hiện năm 2024. Trong đó, chi đầu tư phát triển: ước đạt 4.336 tỷ đồng, bằng 85,20% dự toán Trung ương giao, bằng 76,80% so dự toán HĐND tỉnh giao và bằng 94,40% so với thực hiện năm 2024. Chi thường xuyên: ước đạt 20.024 tỷ đồng, bằng 101,20% dự toán Trung ương giao, bằng 102% so dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 115,20% so với thực hiện năm 2024. Chi các chương trình mục tiêu từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu ước đạt 3.148 tỷ đồng, bằng 100% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao, bằng 59,40% so với thực hiện năm 2024.

⁴¹ Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của các cơ quan, tổ chức ở đơn vị hành chính tỉnh Kon Tum về công tác tại trung tâm hành chính của tỉnh Quảng Ngãi sau sắp xếp. Nghị quyết hỗ trợ đối với sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng khi tuyển dụng theo chính sách thu hút; hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức là nguồn nhân lực chất lượng cao được tiếp nhận về công tác tại các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh và hỗ trợ đào tạo đối với cán bộ, công chức, viên chức được tuyển chọn, cử đi đào tạo sau đại học trong và ngoài nước của tỉnh Quảng Ngãi.

a2) Kết quả thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công

- Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 của tỉnh Quảng Ngãi được Thủ tướng Chính phủ giao 8.183.889 triệu đồng, địa phương giao 8.258.270 triệu đồng. (bao gồm: Vốn ngân sách địa phương 5.432.426 triệu đồng; vốn ngân sách Trung ương 2.825.844 triệu đồng), địa phương giao cao hơn so với Thủ tướng Chính phủ giao là 74.381 triệu đồng.

- Lũy kế thanh toán đến ngày 30/11/2025 là 5.173.541 triệu đồng, đạt 63,22% so với kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ giao, đạt 62,65% so với kế hoạch vốn Hội đồng nhân dân tỉnh giao, trong đó:

+ Ngân sách địa phương 3.371.313 triệu đồng, đạt 66,22% kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ giao, đạt 62,06% kế hoạch vốn Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

+ Ngân sách Trung ương 1.802.228 triệu đồng, đạt 58,27% kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ giao, đạt 63,78% kế hoạch vốn Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

- Ước giải ngân đến ngày 31/12/2025 là 6.143.300 triệu đồng, đạt 75,07% so với kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ giao, đạt 74,39% so với kế hoạch vốn Hội đồng nhân dân tỉnh giao, trong đó:

+ Ngân sách địa phương 3.950.000 triệu đồng, đạt 77,59% kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ giao, đạt 72,71% so kế hoạch vốn Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

+ Ngân sách Trung ương 2.193.300 triệu đồng, đạt 70,91% kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ giao và 77,59% kế hoạch vốn Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

a3) Tiến độ, kết quả thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách

Trên cơ sở các Báo cáo kiểm toán ngân sách địa phương năm 2024, Báo cáo quyết toán NSDP năm 2024 của Kiểm toán nhà nước, UBND tỉnh đã chỉ đạo triển khai thực hiện⁴². Hiện nay, các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan đang tổ chức thực hiện.

b) Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công

- Xây dựng, tham mưu trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy Phương án sắp xếp, bố trí nhà ở công vụ cho cán bộ, công chức, người lao động sau sáp nhập tỉnh; triển khai xây dựng phương án bố trí trụ sở làm việc cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Tập trung chỉ đạo việc sắp xếp, bố trí, xử lý tài sản công sau sắp xếp đơn vị hành chính theo hướng dẫn của Bộ Tài chính: Ban hành Quyết định giao tài sản cho các xã, phường, đặc khu (UBND tỉnh ban hành 06 Quyết định giao, điều chuyển tài sản⁴³); xây dựng phương án

⁴² Tại các Công văn: số 742/UBND-KKTH ngày 28/7/2025, số 2216/UBND-KTTH ngày 05/9/2025, số 2038/STC-QLNS ngày 15/9/2025, số 4648/UBND-KTTH ngày 14/11/2025.

⁴³ (1) Cấp tỉnh: Quyết định số 1376/QĐ-UBND ngày 30/10/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao tài sản cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh sau sắp xếp đơn vị hành chính. Đồng thời, điều chuyển cơ sở nhà, đất giữa các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh để đảm bảo đủ trụ sở làm việc cho các cơ quan, đơn vị tại Quyết định số 1564/QĐ-UBND ngày 13/11/2025; Quyết định số 896/QĐ-UBND ngày 26/8/2025 điều chuyển tài sản của Sở Nội vụ cho các xã quản lý, sử dụng; Quyết định số 675/QĐ-UBND ngày 23/8/2025 điều chuyển tài sản của Sở Y tế cho UBND xã Ia Chìm quản lý, sử dụng.

(2) Cấp xã: Chủ tịch UBND tỉnh đã quyết định giao tài sản là cơ sở nhà, đất cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn các xã, phường thuộc tỉnh Quảng Ngãi sau sắp xếp đơn vị hành chính tại Quyết định số 1133/QĐ-UBND ngày 29/9/2025 (đợt 1) và Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 06/10/2025 (đợt 2).

sắp xếp, xử lý nhà đất dôi dư trên địa bàn tỉnh; ban hành Kế hoạch xử lý tài sản dôi dư sau sắp xếp đơn vị hành chính để làm cơ sở cho các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện nhằm tránh lãng phí, gây thất thoát tài sản công.

- Trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 10/2025/NQ-HĐND ngày 22/8/2025 phân cấp thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí mua sắm tài sản, trang thiết bị; thuê dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng theo quy định của Nghị định số 98/2025/NĐ-CP ngày 06/5/2025 của Chính phủ; Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 24/10/2025 bãi bỏ các Nghị quyết quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) và HĐND tỉnh Kon Tum (cũ).

- Ban hành các quyết định về quản lý, sử dụng tài sản công bao gồm: phân bổ số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương tỉnh Quảng Ngãi (*tại Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 06/10/2025*); ban hành Quy chế phối hợp cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu kết quả đăng nhập dữ liệu tài sản công vào cơ sở dữ liệu quốc gia và sử dụng thông tin lưu trữ trong cơ sở dữ liệu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (*Quyết định số 39/2025/QĐ-UBND ngày 10/11/2025*); phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ngãi (*Quyết định số 35/2025/QĐ-UBND ngày 04/11/2025*).

c) Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các ĐVSNCL

- Triển khai quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ và Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các văn bản có liên quan. Trong năm 2025, UBND tỉnh báo cáo kết quả thực hiện chế độ tự chủ tài chính theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ⁴⁴; chỉ đạo các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh triển khai công tác ban hành danh mục, định mức kinh tế - kỹ thuật, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước năm 2025 và xây dựng phương án tự chủ tài chính giai đoạn 2026-2030⁴⁵; chỉ đạo Sở Tài chính đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương khẩn trương xây dựng Phương án tự chủ về tài chính khi thành lập, tổ chức lại ĐVSNCL năm 2025; đề nghị Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của ĐVSNCL theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP⁴⁶.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

a) Kết quả hoàn thiện thể chế phục vụ xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

- Năm 2025, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã ban hành kịp thời, đầy đủ các văn bản chỉ đạo để triển khai và thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và

⁴⁴ Báo cáo: số 76/BC-UBND ngày 18/3/2025 của UBND tỉnh Kon Tum (cũ); số 71/BC-UBND ngày 28/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi (cũ); số 27/BC-STC ngày 05/8/2025 báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Kết luận số 62-KL/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

⁴⁵ Công văn số 759/UBND-KTTH ngày 28/7/2025.

⁴⁶ Công văn số 741/STC-HCSN ngày 01/8/2025; Công văn số 863/STC-HCSN ngày 07/8/2025.

chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh⁴⁷.

- UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương cũng đã xây dựng, ban hành các chương trình/đề án/kế hoạch, chính sách để thúc đẩy chuyển đổi số⁴⁸. Thường xuyên rà soát quy trình, TTHC, chuẩn hóa mẫu biểu, quy trình để thiết lập trên hệ thống phục vụ người dân, doanh nghiệp nhanh chóng, thuận tiện.

b) Kết quả xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật

- Tỉnh Quảng Ngãi hiện đang duy trì và vận hành Mạng truyền số liệu chuyên dùng (TSLCD) phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh. Năm 2025, thực hiện chỉ đạo của Cục Bưu điện Trung ương và theo Quyết định số 65/2024/QĐ-UBND của UBND tỉnh về quy chế quản lý, vận hành và bảo đảm an toàn thông tin mạng TSLCD, Sở Khoa học và Công nghệ đã chủ trì triển khai phương án tổ chức lại kết nối Mạng TSLCD sau khi sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính. Việc triển khai đảm bảo kết nối mạng TSLCD từ cấp tỉnh đến cấp xã, phường, đặt khu, hoàn thiện cấu hình định tuyến LAN, chuẩn hóa địa chỉ IP và duy trì chất lượng dịch vụ theo đúng quy định tại Quyết định số 08/2023/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 19/2023/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông. Hệ thống mạng được cung cấp, vận hành bởi các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn (VNPT Quảng Ngãi, Viettel Quảng Ngãi), bảo đảm kết nối thông suốt, an toàn và ổn định phục vụ hoạt động điều hành, trao đổi dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước trên toàn tỉnh.

- Mạng di động có 100% thôn, bản có sóng di động 3G, 4G và Internet. Mạng

⁴⁷ Kế hoạch hành động số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 26/5/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/04/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Chương trình số 95-CTr/TU ngày 24/01/2025 về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị “về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia”; Kế hoạch số 05-KH/TU ngày 20/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Triển khai thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Quyết định 516/QĐ-UBND ngày 31/7/2025 của UBND tỉnh về thành lập Ban Chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06...

⁴⁸ Kế hoạch: Kế hoạch số: 4664/KH-UBND ngày 25/12/2024 về Chuyển đổi số tỉnh Kon Tum năm 2025, Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2025. Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 10/9/2025 về Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2025; Kế hoạch số 01-KH/BCĐ ngày 27/06/2025 của Ban Chỉ đạo về đẩy mạnh, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số”; Kế hoạch Hành động nâng cao chất lượng cung cấp; Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 09/08/2025 về thực hiện Chương trình hành động quốc gia về phát triển và chuyển đổi sang sử dụng nền tảng điện toán đám mây giai đoạn 2025 - 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 10/09/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai nhiệm vụ xây dựng, hoàn thiện CSDL đất đai đã được xây dựng “đúng - đủ - sạch - sống”; bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ, phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp; Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 04/4/2025 về Thực hiện Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 03/4/2025 về Triển khai thực hiện Đề án “Tuyển tuyển, phổ biến, nâng cao chất lượng về cung cấp và sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 17/4/2025 về Truyền thông về CCHC và chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2025; Kế hoạch số 130/KH-UBND ngày 11/6/2025 về Triển khai các nhiệm vụ liên quan đến hệ thống thông tin dùng chung trọng điểm tỉnh Quảng Ngãi khi thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp; Chỉ thị số 02/CT-CT ngày 25/8/2025 của UBND tỉnh về tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 10/9/2025 về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2025; Kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 18/09/2025 về Hành động nâng cao chất lượng cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến đoạn 2025 - 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 10/10/2025 Triển khai thực hiện Chương trình “Đẩy mạnh truyền thông thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Kế hoạch số 52/KH-BCĐ ngày 29/10/2025 của Ban Chỉ đạo UBND tỉnh về hoạt động Quý IV năm 2025; Quyết định số 1282/QĐ-UBND ngày 20/10/2025 về việc Ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 608/QĐ-UBND ngày 13/8/2025 về việc ban hành mã định danh điện tử các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh...

5G đã triển khai tại các khu đô thị, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp với 115 trạm BTS. Quảng Ngãi có 69,13% hộ gia đình sử dụng cáp quang; tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 83%. Mạng số liệu chuyên dùng triển khai đến 100% cơ quan nhà nước tỉnh. Còn 21/96 xã, phường, đặc khu còn điểm lờm sóng trong thôn; tổng số điểm lờm sóng là 75 điểm (*các điểm này hầu hết thuộc các thôn đặc biệt khó khăn dân cư thưa thớt*).

- Hạ tầng lưu trữ: Tỉnh Quảng Ngãi đã đầu tư xây dựng và đưa vào vận hành Trung tâm dữ liệu tỉnh (*Data Center*) từ năm 2017. Đây là hạ tầng kỹ thuật cốt lõi, đóng vai trò trung tâm trong phát triển hạ tầng số, chính quyền điện tử và chuyển đổi số của tỉnh, là nơi tập trung, lưu trữ, xử lý và chia sẻ dữ liệu của các cơ quan nhà nước trên địa bàn. Hiện nay, Trung tâm dữ liệu tỉnh đang vận hành Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (*LGSP*) và 29 nền tảng, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung và chuyên ngành của tỉnh, phục vụ hiệu quả cho công tác chỉ đạo, điều hành, cũng như kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các sở, ngành, địa phương. Trung tâm dữ liệu tỉnh được triển khai theo mô hình đầu tư xây dựng, quản lý và khai thác trực tiếp, đáp ứng yêu cầu lưu trữ, dự phòng, bảo mật thông tin và đảm bảo tính sẵn sàng cao của các dịch vụ số. Trong định hướng phát triển giai đoạn tới, Trung tâm dữ liệu tỉnh sẽ tiếp tục được nâng cấp về hạ tầng, tăng cường năng lực lưu trữ và bảo mật, góp phần hình thành nền tảng hạ tầng số đồng bộ, hiện đại, phục vụ quá trình chuyển đổi số toàn diện của tỉnh Quảng Ngãi.

- Hạ tầng IoT và điều hành thông minh: Tỉnh Quảng Ngãi đã triển khai vận hành Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh (*IOC*) nhằm phục vụ công tác giám sát, điều hành và phân tích dữ liệu các lĩnh vực kinh tế - xã hội của tỉnh theo thời gian thực. Hiện nay, Trung tâm IOC đang trong giai đoạn vận hành thử nghiệm, do Trung tâm Chuyển đổi số và Đổi mới sáng tạo (*đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi*) trực tiếp quản lý, vận hành. Hệ thống đang tích hợp, khai thác dữ liệu từ nhiều phân hệ như: Kinh tế - xã hội; Dịch vụ công; Y tế; Giáo dục; Quản lý văn bản điều hành; An toàn thông tin; Du lịch; Quản lý tàu cá; Giám sát camera. Trong thời gian tới, tỉnh Quảng Ngãi sẽ triển khai kế hoạch vận hành chính thức Trung tâm IOC, bảo đảm hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, cơ chế quản lý, an toàn thông tin, cũng như mở rộng kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu của tỉnh. Trung tâm IOC được định hướng trở thành hạ tầng trọng tâm trong phát triển chính quyền số, đô thị thông minh và ứng dụng Internet vạn vật (*IoT*) trí tuệ nhân tạo (*AI*), góp phần nâng cao năng lực quản lý, điều hành của chính quyền, tăng cường sự tương tác giữa chính quyền với người dân và doanh nghiệp, thúc đẩy hình thành chính quyền số, đô thị thông minh tại tỉnh Quảng Ngãi.

- Tỉnh đã đầu tư, khai thác nhiều nền tảng, cơ sở dữ liệu (*CSDL*) và hệ thống thông tin (*HTTT*); tiếp tục triển khai hoàn thiện, “*làm giàu dữ liệu*” đối với các HTTT, nền tảng số như: Quản trị tổng thể; Phân tích tổng hợp KT-XH; Kho dữ liệu lưu trữ điện tử; Cổng dữ liệu mở, App Công chức và App Công dân...

c) Kết quả xây dựng, phát triển các hệ thống nền tảng

- Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh đã được hợp nhất từ ngày 01/7/2025 và triển khai đến các cơ quan, địa phương với hơn 150 biểu mẫu báo đã chuẩn hóa, điện tử

hóa trên hệ thống; đã khai báo, cấp, bổ sung tài khoản cho các cơ quan, địa phương hơn 950 tài khoản, đảm bảo cho các cơ quan, địa phương thực hiện các nhiệm vụ nhập liệu, kiểm tra, ký duyệt và gửi báo cáo số liệu trên Hệ thống đảm bảo đúng quy định; ban hành Quyết định phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin đối với Hệ thống thông tin báo cáo tình hình đảm bảo quy định; đang rà soát, tổng hợp danh mục báo cáo định kỳ của các cơ quan, đơn vị, địa phương để ban hành Quyết định Quy định chế độ báo cáo định kỳ thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (*sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chế độ báo cáo định kỳ thực ban hành kèm theo Quyết định số 10/2024/QĐ-UBND ngày 14/3/2024 và số 37/2020/QĐ-UBND ngày 19/12/2020 của UBND tỉnh*); ban hành Quyết định Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống.

- Hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh: Đã thực hiện cấp hơn 26.000 (*tăng hơn 9.000 user so với trước khi sáp nhập tỉnh*) tài khoản đảm bảo cho cán bộ, công chức, viên chức thực hiện xác thực vào các hệ thống dùng chung của tỉnh.

- Cổng Thông tin điện tử tỉnh: Đã thực hiện hợp nhất duy trì ổn định và xây dựng 96 trang thông tin cấp xã; hơn 25 trang thông tin các sở, ban, ngành và các đơn vị trực thuộc. Đây là nền tảng để mỗi xã, phường, đặc khu có một kênh thông tin chính thức, giúp công khai, minh bạch các hoạt động của chính quyền cơ sở đến người dân. Các xã, phường, đặc khu đã cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử, đảm bảo người dân có thể tiếp cận thông tin một cách dễ dàng và kịp thời.

- Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành dùng chung tỉnh Quảng Ngãi: Đã triển khai đến 100% các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh; cấp hơn 20.000 tài khoản của tổ chức và cá nhân để triển khai xử lý văn bản, hồ sơ trên môi trường mạng (*đến nay kết quả xử lý hồ sơ toàn trình trên môi trường mạng: cấp tỉnh đạt 99,58%; cấp xã đạt trên 98%*).

- Hệ thống Hội nghị trực tuyến: Đã kết nối ổn định với 96 xã, phường, đặc khu. Đảm bảo phục vụ tốt các cuộc họp từ UBND tỉnh về cấp xã.

- Hệ thống Phòng họp không giấy: Đã triển khai xây dựng Hệ thống phòng họp không giấy và triển khai đến sở, ngành và UBND cấp xã.

- Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP): nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) tại địa chỉ <https://lgsp.quangngai.gov.vn/intro/index> đã ghi nhận các kết quả đáng chú ý: Tổng số văn bản liên thông: 5.783.656; tổng số bản tin liên thông VDXP: 4.290.529; tổng số bản tin liên thông Tư pháp: 54,795.

d) Kết quả xây dựng, phát triển dữ liệu

- Danh mục, hiện trạng vận hành, khai thác sử dụng các cơ sở dữ liệu các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương: Các cơ sở dữ liệu các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương đã được đưa vào khai thác, phục vụ quản lý. Cụ thể: Đến đầu tháng 12/2025, Cơ sở dữ liệu và Hệ thống thông tin phục vụ hoạt động chuyên ngành của cơ quan nhà nước đã cung cấp 143.021 dòng dữ liệu. Hệ thống quản lý tài liệu lưu trữ điện tử tại cơ quan nhà nước các cấp và Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh đã lưu trữ tổng cộng 4.106 hồ sơ, với 46.141 tài liệu, dung lượng ~ 182 GB. Kho dữ liệu số tỉnh Quảng Ngãi lưu trữ tổng cộng

2985 TTHC với 2.032.573 hồ sơ, dung lượng ~1.280 GB; Lưu CDSL các hệ thống dùng chung tỉnh Quảng Ngãi phục vụ sáp nhập các hệ thống thông tin: 5.0TB.

- Danh mục dữ liệu mở của bộ, ngành, địa phương: Được chia sẻ công khai trên Cổng dữ liệu mở tỉnh Quảng Ngãi tại địa chỉ: <https://opendata.quangngai.gov.vn>. Tổng số lượng bộ dữ liệu được chia sẻ trên Cổng dữ liệu mở của tỉnh đến đầu tháng 12/2025 là: 256 bộ dữ liệu.

- Các Cơ sở dữ liệu trọng yếu: Toàn tỉnh đã đầu tư, khai thác hơn 60 ứng dụng, CSDL, hệ thống thông tin (HTTT); trong đó, có 20 hệ thống được kết nối, khai thác dữ liệu quốc gia, CSDL Bộ ngành. Triển khai các cơ sở dữ liệu quốc gia tại địa phương: Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh đã thực hiện kết nối, tích hợp dữ liệu với các Cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin do Trung ương và các bộ, ngành triển khai như: Cổng Dịch vụ công quốc gia (*Văn phòng Chính phủ*); Cơ sở dữ liệu đất đai VBDLIS (*Bộ Tài nguyên và Môi trường*); Hệ thống cấp mã số ngân sách (*Bộ Tài chính*); Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm (*Bảo hiểm xã hội*); Các cơ sở dữ liệu về Lý lịch Tư pháp và Hộ tịch (*Bộ Tư pháp*); Hệ thống Đăng ký doanh nghiệp (*Bộ Kế hoạch và Đầu tư*); Hệ thống VNPOST (*Bưu điện Việt Nam*); CSDL Quốc gia về Dân cư và Dịch vụ công liên thông (*Bộ Công an*); Hệ thống Đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến (*Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội*);... để tiếp nhận, giải quyết các TTHC, đồng thời khai thác dữ liệu có sẵn trong các hệ thống của các bộ ngành nhằm hạn chế việc khai báo, cung cấp lại các thông tin.

- Hệ thống thông tin đất đai VBDLIS trên toàn tỉnh, hoàn thành việc kết nối, liên thông giữa hệ thống thông tin đất đai VBDLIS với hệ thống thông tin giải quyết TTHC từ ngày 18/8/2025, kết nối với cơ quan thuế bằng hình thức điện tử trên toàn địa bàn tỉnh Quảng Ngãi từ ngày 08/8/2025; hoàn thành việc tải dữ liệu và đồng bộ CSDL theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp lên CSDL quốc gia về đất đai tại Trung ương, đến nay trên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia đất đai, cơ sở dữ liệu tỉnh Quảng Ngãi đang ở trạng thái chờ đồng bộ dữ liệu.

đ) Kết quả xây dựng, phát triển các ứng dụng, dịch vụ nội bộ

Tỉnh Quảng Ngãi triển khai ứng dụng hiệu quả các HTTT dùng chung : (1) Hệ thống phần mềm theo dõi chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao của các đơn vị địa phương; (2) Các lĩnh vực ưu tiên thực hiện chuyển đổi số đã cung cấp trải nghiệm mới, mang lại giá trị cho người dân, doanh nghiệp và xã hội; (3) Cổng Thông tin điện tử tỉnh duy trì hoạt động ổn định, an toàn thông tin và thực hiện cung cấp thông tin theo đúng quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ; (4) Hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh phục vụ trao đổi công việc của các cơ quan, đơn vị và cá nhân cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh.

e) Kết quả xây dựng, phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp

- Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh triển khai đến 217 cơ quan, đơn vị. Hệ thống đã được nâng cấp, đáp ứng việc triển khai dịch vụ công trực tuyến tập trung trên Cổng dịch vụ công quốc gia, đăng nhập bằng tài khoản định danh điện tử VneID; tích hợp, kết nối với các hệ thống thông tin/cơ sở dữ liệu do các bộ, ngành, địa

phương triển khai; đáp ứng quy định tại Nghị định 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 về thực hiện TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận một cửa và Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Tỷ lệ các bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh triển khai Sổ hồ sơ sức khỏe điện tử tích hợp trên ứng dụng VNeID đạt 100% Sở Y tế chỉ đạo các đơn vị triển khai tiếp nhận KCB BHYT bằng Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID; thành lập Tổ hướng dẫn hỗ trợ người dân, người bệnh tích hợp Sổ sức khỏe điện tử trên VNeID. Đã hoàn thành việc đẩy dữ liệu KCB theo Quyết định 4750/QĐ-BYT ngày 29/12/2023 của Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 130/QĐ-BYT ngày 18/01/2023 của Bộ Y tế về quy định chuẩn và định dạng dữ liệu đầu ra phục vụ việc quản lý, giám định, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh và giải quyết các chế độ liên quan và Quyết định số 3176/QĐ-BYT ngày 29/10/2024. Đến nay, toàn tỉnh Quảng Ngãi kết nối liên thông dữ liệu lên Cổng tiếp nhận dữ liệu giám định BHYT và tích hợp trên ứng dụng VNeID; đảm bảo ký số xml dữ liệu KCB phục vụ giấy chuyển tuyến, giấy hẹn khám lại. Triển khai bệnh án điện tử tại tất cả các bệnh viện, trung tâm y tế công lập trên địa bàn tỉnh (*thực hiện Thông báo số 56/TB-VPCP ngày 23/02/2025; Công văn số 1386/UBND-KGVX ngày 17/3/2025*) Đến 30/9/2025, 36/36 cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh đã hoàn thành công bố bệnh án điện tử, là cơ sở để triển khai bệnh án điện tử chuyên sâu hơn hướng đến bệnh viện thông minh, bệnh viện không giấy tờ.

- Triển khai đến Bộ phận một cửa các cấp về việc thực hiện số hóa và tái sử dụng kết quả số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC có liên quan đến thông tin, giấy tờ cá nhân trong tiếp nhận, giải quyết TTHC để cập nhật, bổ sung, kết nối, chia sẻ và sử dụng có hiệu quả Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết TTHC, giúp rút ngắn thời gian khai thông tin thực hiện TTHC; đồng thời doanh nghiệp, người dân có thể tái sử dụng kết quả số hóa hồ sơ, giải quyết TTHC cho lần thực hiện tiếp theo.

- Công tác xử lý phản ánh kiến nghị của người dân được Bộ phận một cửa các cấp đặc biệt quan tâm, đã thực hiện công khai địa chỉ tiếp nhận, số điện thoại đường dây nóng; thực hiện quản lý, duy trì kết nối, đảm bảo thông suốt, liên tục; tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của Cổng dịch vụ công Quốc gia với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh. Đã triển khai Kho dữ liệu dùng chung tích hợp với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh, công dân đã có thể lưu trữ thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC phục vụ cho việc không phải cung cấp lại các dữ liệu đã có. Hoàn thành việc kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu kết quả giải quyết TTHC từ Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh với Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Triển khai chữ ký số: Việc triển khai chữ ký số trên địa bàn toàn tỉnh (*khối chính quyền*) đã được đẩy mạnh. Số lượng chứng thư của Tổ chức: 3.441; Số lượng chứng thư cá nhân: 15.480; Số lượng chứng thư số thiết bị dịch vụ phần mềm: 10 chứng thư.

- Đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp: Theo số liệu cung cấp vào lúc 13 giờ 30 ngày 10/12/2025, tỉnh Quảng Ngãi được xếp thứ 22/34 tỉnh/thành phố với tổng điểm 88,66%. Các chỉ số thành phần đạt được bao gồm: Công khai minh

bạch (15,66), Tiến độ giải quyết (19,01), Dịch vụ trực tuyến (16,41), Mức độ hài lòng (17,37), Số hóa hồ sơ (20,21).

g) Kết quả xây dựng, phát triển đô thị thông minh

Tỉnh Quảng Ngãi đã đưa vào vận hành thử nghiệm Trung tâm điều hành thông minh (IOC) tỉnh Quảng Ngãi từ năm 2022; đã ban hành Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 09/02/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Ban hành Quy chế quản lý, vận hành thử nghiệm Trung tâm điều hành thông minh tỉnh Quảng Ngãi; Hệ thống được triển khai thử nghiệm nhằm phục vụ số liệu trực tuyến phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, với 10 phân hệ như sau: Giám sát, điều hành lĩnh vực Kinh tế - xã hội; Giám sát và điều hành lĩnh vực Dịch vụ công; Giám sát và điều hành lĩnh vực Y tế; Giám sát và điều hành lĩnh vực Giáo dục; Giám sát quản lý văn bản điều hành; Giám sát lĩnh vực An toàn thông tin; Giám sát và điều hành lĩnh vực Du lịch; Giám sát thông tin trên môi trường mạng; Giám sát và điều hành Quản lý tàu cá; Giám sát Camera.

h) Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến

Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh hoạt động ổn định, đảm bảo kết nối, tích hợp đúng thời gian, lộ trình triển khai của các bộ, ngành, Trung ương. Hiện nay, đã hoàn thành việc nâng cấp hệ thống đáp ứng triển khai sắp xếp lại chính quyền địa phương 02 cấp, đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận một cửa và Cổng dịch vụ công quốc gia.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Trong năm 2025, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, kịp thời và ban hành đầy đủ các văn bản làm cơ sở tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC theo Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 của Chính phủ tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021. Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Nội vụ và yêu cầu thực tiễn triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, tỉnh Quảng Ngãi đã chủ động xây dựng và ban hành Kế hoạch CCHC năm 2025; chỉ đạo các sở, ban ngành, địa phương tổ chức thực hiện và thực hiện nghiêm chế độ thông tin, báo cáo theo quy định. Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC được triển khai đồng bộ, thống nhất; công tác kiểm tra, giám sát, tuyên truyền được chú trọng, góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người đứng đầu và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

2. Từ định hướng, chỉ đạo nêu trên, tỉnh Quảng Ngãi đã tập trung triển khai các nhiệm vụ trọng tâm để tổ chức thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp theo chủ trương của Trung ương và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/7/2025. Việc sắp xếp tổ chức bộ máy, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện kịp thời, bảo đảm bộ máy vận hành ổn định, thông suốt, không làm gián đoạn hoạt động quản lý nhà nước và giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp. Công tác phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền giữa các cấp chính quyền từng

bước được hoàn thiện, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong điều kiện tổ chức bộ máy mới.

3. Sau khi mô hình chính quyền địa phương 02 cấp đi vào hoạt động ổn định, công tác CCHC năm 2025 của tỉnh Quảng Ngãi được triển khai toàn diện trên các lĩnh vực; các nhiệm vụ trọng tâm cơ bản được thực hiện đúng tiến độ, nhiều chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch đề ra. Chất lượng xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật được nâng cao; TTHC tiếp tục được rà soát, đơn giản hóa, công khai, minh bạch; cơ chế một cửa, một cửa liên thông được duy trì nền nếp, tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn, trước hạn ở mức cao. Bên cạnh đó, việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số được tăng cường; hạ tầng số, nền tảng số, cơ sở dữ liệu từng bước được đầu tư, hoàn thiện; công tác số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được đẩy mạnh, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ, duy trì mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp và tạo nền tảng để tỉnh Quảng Ngãi tiếp tục đẩy mạnh CCHC, xây dựng nền hành chính phục vụ, chuyên nghiệp, hiện đại trong thời gian tới.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CCHC TRỌNG TÂM NĂM 2026

1. Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả giai đoạn II (2026 - 2030) Chương trình tổng thể CCHC nhà nước theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ; trong đó, nội dung trọng tâm CCHC giai đoạn 2026 - 2030 là: Cải cách thể chế; cải cách chế độ công vụ; chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước.

2. Xây dựng, ban hành Kế hoạch CCHC năm 2026 của tỉnh đảm bảo khả thi, bao quát, đầy đủ nội dung, phù hợp với thực tế; chỉ đạo triển khai thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ đề ra trong năm 2026 đảm bảo chất lượng, hiệu quả; Triển khai xác định Chỉ số CCHC các sở, ban ngành tỉnh, UBND cấp xã, phường, đặc khu năm 2026 nhằm đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ CCHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong năm 2026.

3. Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh, UBND tỉnh; thực hiện kiểm tra theo thẩm quyền văn bản QPPL do HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu Lý Sơn sau khi ban hành; tổ chức các lớp tập huấn về công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

4. Tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát TTHC, thực hiện kiểm tra thường xuyên, đột xuất hoạt động kiểm soát TTHC và việc tổ chức, hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh; duy trì và vận hành hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông hướng đến chuyên nghiệp, hiện đại; nâng cao chất lượng công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh liên quan đến những quy định hành chính.

5. Tiếp tục triển khai thực hiện sắp xếp các đơn vị sự nghiệp theo chủ trương của Trung ương đảm bảo đúng tiến độ và chất lượng; thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức; giải quyết chính sách tinh giản biên chế theo đúng quy định pháp luật.

6. Tiếp tục tăng cường kiểm tra, siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động công vụ. Triển khai thực hiện nghiêm túc giờ giấc làm việc; thời gian đi công tác và bố trí, sử dụng xe công vụ theo chỉ đạo của Tỉnh ủy tại Công văn số 178-CV/TU ngày 22/8/2025 về chấn chỉnh việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính, đi công tác và sử dụng xe công vụ.

Trên đây là kết quả thực hiện công tác CCHC năm 2025 và một số nhiệm vụ trọng tâm về CCHC năm 2026 của tỉnh Quảng Ngãi, kính báo cáo Bộ Nội vụ theo dõi, chỉ đạo./. *huan*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ CCHC - Bộ Nội vụ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Các sở, ban ngành;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- VPUB: CVP, PCVP, các phòng;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TTHC latin.

Quang

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hoàng Giang

Nguyễn Hoàng Giang



Phụ lục
THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
NĂM 2025 CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI
(Kèm theo Báo cáo số 191/BC-UBND ngày 19/12/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Biểu mẫu 1
Công tác chỉ đạo điều hành CCHC

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	9	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	100	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	52	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	52	
3.	Kiểm tra CCHC			
3.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	05	
3.2.	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	20	
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	100	
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	225	
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	225	
4.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
4.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	106	47 nhiệm vụ còn trong hạn
4.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	49	
4.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
4.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
5.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	1	
5.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	42.527	
5.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	2	
6.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	

Biểu mẫu 2
Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành	Văn bản	380	
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	195	Kon Tum (trước sáp nhập): 43 Văn bản; Quảng Ngãi (trước sáp nhập): 69 Văn bản; Quảng Ngãi (sau sáp nhập): 83 Văn bản
1.2.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	185	
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	319	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	100	
2.2.1.	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra</i>	Văn bản	0	
2.2.2.	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	Văn bản	0	
3.	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	1.141	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	40	
3.2.1.	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát</i>	Văn bản	669	Rà soát văn bản của Kon Tum (cũ) và Quảng Ngãi (cũ) đề xuất sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
3.2.2.	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	Văn bản	271	

Biểu mẫu 3
Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Thống kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	0	
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	4	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	812	
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	2.336	
1.4.1.	Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	1.923	
1.4.2.	Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	413	
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa	%	100	
2.2.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính	Thủ tục	1.669	
3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	95,80	
3.1.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	41.795	
3.1.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	40.026	
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	95,8% (từ ngày 01/01/2025 đến 30/6/2025); 98,93% (từ ngày 01/7/2025 đến 08/12/2025)	
3.2.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	127.109 (từ ngày 01/01/2025 đến 30/6/2025); 234.263 (từ ngày 01/7/2025 đến 08/12/2025)	
3.2.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	125.746 (từ ngày 01/01/2025 đến 30/6/2025); 231.768 (từ ngày 01/7/2025 đến 08/12/2025)	
3.3.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	100	
3.3.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	1.110	
3.3.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	1.110	

Biểu mẫu 4
Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	15/15
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	96/96
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	05	Bao gồm Ban Quản lý vườn quốc gia Chư Mom Ray
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức	95	
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	1.112	
1.5.1.	Số ĐVSNNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị	10	
1.5.2.	Số ĐVSNNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	180	Kể cả 13 BQL trực thuộc UBND cấp huyện (khu Đông) chuyển về 02 BQL thuộc UBND tỉnh quản lý
1.5.3.	Số ĐVSNNCL thuộc UBND cấp xã	Cơ quan, đơn vị	922	
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	8.004	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	6.533	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người		
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	36.326	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	35.981	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		

Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	15	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	1.078	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	01	
2.2.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người	0	
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền)			
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật	Người	0	
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp xã bị kỷ luật	Người	01	
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp xã bị kỷ luật	Người	0	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật	Người	0	

Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	63,22	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	8.183.889	Trung ương giao
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	5.173.541	Số liệu đến 30/11/2025
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	1.112	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	16	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	48	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	59	
2.4.1.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị	7	
2.4.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị	19	
2.4.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị	33	
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	989	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	

Biểu mẫu 7
Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
2.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
3.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
3.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
3.1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
3.1.2.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
3.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử)	%	98,79	
3.2.1.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh	%	99,58	
3.2.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	98	
4.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
4.1.	Tỷ lệ DVCTT toàn trình đủ điều kiện	%	100%	
4.1.1.	Tổng số DVC đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình	Thủ tục	1.139	
4.1.2.	Số lượng DVCTT toàn trình	Thủ tục	1.139	
4.2.	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình + một phần)	%	54,3%	
4.2.1.	Tỷ lệ DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả 2 hình thức)	Thủ tục	725	
4.2.2.	Số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến	Thủ tục	394	
4.3.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	%	96,3%	
4.3.1.	Tổng số hồ sơ của DVCTT toàn trình (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Thủ tục	155.125	
4.3.2.	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT toàn trình	Thủ tục	149.429	
4.4.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến một phần	%	72,2%	
4.4.1.	Tổng số hồ sơ của DVCTT một phần (gồm hồ sơ trực tuyến + trực tiếp)	Hồ sơ	466.200	
4.4.2.	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT một phần	Hồ sơ	336.869	
4.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100%	
4.5.1.	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	Thủ tục	753	
4.5.2.	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh	Thủ tục	753	